

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số **440/2019/TLST/HNGĐ** ngày **22 tháng 10 năm 2019**, giữa:

Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Việt T**, sinh năm 1978

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã V, huyện H, tỉnh B.

Bị đơn: **Bà Lâm Thị Mỹ T1**, sinh năm 1979

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 26C/8, khóm Q, phường U, thành phố L, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào **Điều 55; Điều 81, Điều 82 và Điều 83** Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **31 tháng 10 năm 2019** về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **31 tháng 10 năm 2019** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Việt T và bà Lâm Thị Mỹ T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Việt T và bà Lâm Thị Mỹ T1.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 13/9/2004 và cháu Nguyễn Việt N, sinh ngày 09/8/2017 cho bà Lâm Thị Mỹ T1 trực tiếp nuôi dưỡng,

giáo dục (cả hai cháu đang sống cùng bà T1). Ông Nguyễn Việt T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T1 không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Việt T và bà Lâm Thị Mỹ T1 thống nhất xác định có tài sản chung đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ: Ông Nguyễn Việt T và bà Lâm Thị Mỹ T1 thống nhất xác định không nợ ai và không ai nợ ông, bà nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Ông **Nguyễn Việt T** phải chịu T bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, Ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006277 ngày 22/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 150.000 đồng, ông T được hoàn lại 150.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- CC THA TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- UNND xã (phường) nơi ĐKKH.

THẨM PHÁN

Trần Bích Ngọc

